

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2022/DS-PT

Ngày 06 tháng 9 năm 2022

“V/v tranh chấp di sản thừa kế, tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1444/2022/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1954 (Chết ngày 27/11/2018).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 233/45 đường L, tổ 3, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

1.3. Bà Nguyễn Hoàng Phương U, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Hoàng Phương U, ông Nguyễn Hoàng T có: Ông Hoàng Năng Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 54/4E ấp V1, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2019), có mặt.

1.4. Bà Nguyễn Hoàng Phương T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Sperberweg 21, 61231 Bad Nauheim, Cộng hòa Liên Bang Đức, vắng mặt.

1.5. Ông Nguyễn Hoàng Thế B, sinh năm 1992 (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hoàng K chết năm 2005).

Địa chỉ: Số 48/50/22, tổ 22, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Ngọc B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 113 ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Số 26 R, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1986 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019), có mặt.

Địa chỉ: 20 đường N, Phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Văn D, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nam Sơn, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hoàng Văn Tr (Hoang Van Francis), sinh năm: 1950.

Địa chỉ: 8101 Gardengate CT. Fort. Worth TX 76137 Hoa Kỳ, vắng mặt.

3.2. Ông Hoàng Năng Q, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: 54/4E ấp V1, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Thanh L, vắng mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị Thùy L, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 55E/4 ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.6. Ông Đào Hữu T, vắng mặt.

3.7. Bà Trần Thị Tuyết M, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 122E/4 ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3.8. Ông Vũ Đình H, vắng mặt.

Địa chỉ: 56E/4 ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Ông Nguyễn Hồng H - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn;

4.2. Ông Hoàng Năng Q - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị G, lời trình bày của đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có ông Hoàng Năng Q đại diện trình bày: Cụ Hoàng Xuân T chết năm 1970 và cụ Hoàng Thị T chết ngày 24/5/2011. Khi cụ Hoàng Xuân T chết không để lại tài sản, không di chúc. Năm 1983, cụ Hoàng Thị T mua được một thửa đất có diện tích 945m², tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, cụ Hoàng Thị T đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00979 số 1038/QĐYBBH.QSDĐ/20/10/1998 do cụ Hoàng Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996, con cụ Hoàng Thị T là ông Hoàng Văn Tr có gửi về để cụ Hoàng Thị T đã xây 01 căn nhà cấp 4, diện tích 7x10m = 70m². Đến tháng 5 năm 2008, cụ Hoàng Thị T chuyển nhượng cho ông Đào Hữu T 313m² đất.

Ngày 24/5/2011, cụ Hoàng Thị T bệnh chết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Thị T gồm: ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1950, ông Hoàng Năng Q, sinh năm: 1957, bà Hoàng Thị G, sinh năm 1954, bà Hoàng Thị Ngọc B, sinh năm 1960. Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng thì bà Hoàng Thị G chết ngày 27/11/2018. Chồng bà Hoàng Thị G đã chết. Người thừa kế hàng thứ nhất của bà Hoàng Thị G là các con của bà Hoàng Thị G gồm: Nguyễn Hoàng Phương T, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Hoàng Phương U, Nguyễn Hoàng K. Ông Nguyễn Hoàng K chết năm 2005 có con là Nguyễn Hoàng Thế B.

Sau khi cụ Hoàng Thị T chết, các anh chị em không thỏa thuận được việc cử người quản lý nhà thờ tổ. Ngay trong ngày làm đám tang cụ Hoàng Thị T thì ông Hoàng Năng Q và bà Hoàng Thị G nghe một số người hàng xóm nói rằng cụ Hoàng Thị T có để lại di chúc cho bà Hoàng Thị Ngọc B. Qua tìm hiểu thì được biết, cụ Hoàng Thị T đã lập di chúc cho bà Hoàng Thị Ngọc B toàn bộ tài sản từ năm 2008. Ngày 30/5/2011, bà Hoàng Thị G đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã G để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Khi hòa giải tại xã, các anh chị em đều xác định căn nhà của cụ Hoàng Thị T và quyền sử dụng đất là để làm nhà thờ tổ, không chia cho bất kỳ ai. Riêng bà Hoàng Thị Ngọc B thì khẳng định tài sản trên cụ Hoàng Thị T đã lập di chúc cho riêng bà. Sau đó ngày 25/4/2012, Ủy ban nhân dân huyện T lại cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Hoàng Thị Ngọc B số BH 862932 vào sổ cấp GCN số CH08401/QSDĐ đối với phần diện tích nhà và đất tranh chấp trên.

Do đó, bà Hoàng Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 620m², thuộc thửa đất số 309, tờ bản đồ số 42, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo đo đạc thực tế có diện tích 586,2m² là di sản thừa kế; Yêu cầu Tòa án phân chia di sản của cụ Hoàng Thị T để lại cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật; Tuyên bố di chúc do cụ Hoàng Thị T lập ngày 22/01/2008 là vô hiệu; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 862932 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/4/2012 cho bà

Hoàng Thị Ngọc B đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 42, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Thông nhất diện tích đất thực tế theo bản Trích lục và đo vẽ số 2638/2016 ngày 09/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác định diện tích còn lại là 586,2m². Hiện nay tài sản trên đất không còn, chỉ còn lại đất trống nên nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất.

Sau khi bà Hoàng Thị G chết. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Hoàng Thị G là Nguyễn Hoàng Phương T, Nguyễn Hoàng Thế B có Văn bản từ chối nhận quyền lợi và tài sản thừa kế. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn còn lại có ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Hoàng Phương U, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Hoàng Thị T để lại theo pháp luật là quyền sử dụng đất diện tích 586,2m² tọa lạc tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cho các đồng thừa kế của cụ Hoàng Thị T gồm Hoàng Thị G, Hoàng Thị Ngọc B, Hoàng Văn Tr và Hoàng Năng Q.

- *Bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc Bích do ông Nguyễn Thành Trung đại diện trình bày:* Bà Hoàng Thị Ngọc B xác nhận tài sản của mẹ bà để lại như nguyên đơn khai là đúng. Năm 2011, mẹ bà mất, khi tổ chức tang lễ không ai biết được việc mẹ bà để lại di chúc. Tại đám tang mẹ bà, bà nghe một số người hàng xóm nói mẹ bà có để lại di chúc định đoạt tài sản thì các anh chị em trong nhà mới biết và tìm hiểu thì biết, trước lúc cụ Hoàng Thị T mất, cụ có lập di chúc để lại cho bà diện tích đất là khoảng 620m² thuộc thửa 309 mới, tờ bản đồ số 42 mới, bản đồ địa chính xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vì thế bà mới làm thủ tục khai nhận thừa kế và làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy bà Hoàng Thị Ngọc B không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của nguyên đơn vì tài sản trên đã được mẹ bà lập di chúc để lại cho bà theo đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất đang tranh chấp cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà.

Hiện nay tài sản trên đất không còn, chỉ còn lại đất trống. Căn nhà trước đây do chính ông Quý tháo dỡ nên bà đã làm đơn gửi công an xã. Bà cũng không tranh chấp với các phần đất thực tế có chênh lệch sang đất của các hộ ông Nguyễn Thanh L, ông Đào Hữu T, ông Vũ Đình H. Bà Hoàng Thị Ngọc B đồng ý diện tích đất thực tế theo bản Trích lục và đo vẽ số 2638/2016 ngày 09/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai. Diện tích còn lại là 586,2m².

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Năng Q trình bày:* Thông nhất với ý kiến của bà Hoàng Thị G, yêu cầu chia di sản của cụ Hoàng Thị T để lại cho các đồng thừa kế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Tr:* Không có yêu cầu độc lập đối với việc tranh chấp giữa bà Hoàng Thị G và bà Hoàng Thị Ngọc B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T, trình bày:* Ngày 30/12/2011, bà Hoàng Thị Ngọc B làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 42, diện tích 620m² (đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm),

thửa đất tại xã G, huyện T, nguồn gốc đất nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc ngày 22/01/2008 và đã được Ủy ban nhân dân xã G xác nhận ngày 24/01/2008. Do đó Ủy ban nhân dân xã G và các cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân huyện T ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Hoàng Thị Ngọc B thửa đất số 309, tờ bản đồ số 42, diện tích 620m² loại đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã G, huyện T.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Hoàng Thị Ngọc B là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 151 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Thùy L có lời khai trình bày:* Thửa đất của ông bà và thửa đất tranh chấp có ranh giới là hàng rào xây tường và lưới B40 nhưng đây chưa phải là ranh giới cố định giữa hai thửa đất. Vì trước đây gia đình ông bà và bà cụ Hoàng Thị T có tranh chấp ranh đất. Khi ông bà xây tường rào có gọi cụ Hoàng Thị T ra nhưng bà cụ không thống nhất nên ông bà có xây tường rào lùi sang phía đất của ông bà 10cm (theo chiều ngang). Ông Nguyễn Thanh L có yêu cầu khi chia di sản thừa kế thì trả lại đất cho ông Nguyễn Thanh L. Sau đó ông Nguyễn Thanh L rút yêu cầu giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Hữu T, bà Trần Thị Tuyết M có lời khai trình bày:* Năm 2008, ông Đào Hữu T và bà Trần Thị Tuyết M có chuyển nhượng của cụ Hoàng Thị T diện tích 313m², đã làm thủ tục và được tách thửa ngày 07/11/2008. Lúc chuyển nhượng là chiều ngang 6,3m, hiện nay chưa có ranh. Ông đề nghị xác định phần đất ông đã chuyển nhượng đúng như đã tách thửa, phần còn lại là phần đất tranh chấp giữa bà Hoàng Thị G với bà Hoàng Thị Ngọc B. Diện tích đất này là của chung vợ chồng ông bà. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự số 38/2020/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 112, khoản 8 Điều 114, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653 và các Điều 655, 657, 658 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 2, 6, 20 của Luật đất đai năm 1993; Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị G, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị G là ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Hoàng Phương U, bà Nguyễn Hoàng Phương T yêu cầu tuyên bố di chúc do cụ Hoàng Thị T lập ngày 22/01/2008 vô hiệu; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 862932 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngay

25/4/2012 cho bà Hoàng Thị Ngọc B đối với thửa đất số 309 bản đồ số 42 xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Năng Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/12/2020 ông Nguyễn Hồng H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Hoàng Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án; về chi phí đo đạc, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H có ông Hoàng Năng Q làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng theo bản di chúc của cụ Hoàng Thị T lập có nói đã cho đất ông Hoàng Năng Q nhưng trên thực tế trước khi chết cụ Hoàng Thị T đã bán phần đất này. Do đó yêu cầu chia di sản của cụ Hoàng Thị T để lại cho các đồng thừa kế.

- Bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc B có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồng H và ông Hoàng Năng Q và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có Luật sư Trần Văn D đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bản di chúc cho cụ Hoàng Thị T lập ngày 22/01/2008 có nội dung để lại di sản là quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị Ngọc B được hưởng thừa kế thừa đất số 309 tờ bản đồ số 42 diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã G, huyện T tỉnh Đồng Nai. Bản di chúc được Ủy ban nhân dân xã G chứng thực vào ngày 24/01/2008 (Bút lục số 110). Tại Công văn số 233/UBND ngày 22/6/2016 Ủy ban nhân dân xã G xác định tại thời điểm cụ Hoàng Thị T lập di chúc là do cụ Hoàng Thị T lập theo ý chí, nguyện vọng của cụ Hoàng Thị T và cụ Hoàng Thị T có lần tay trước mặt Ủy ban nhân dân xã. Đồng thời, tại Kết luận Giám định số 3880/C09B ngày 11/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 02 (hai) dấu vân tay màu đỏ dưới mực người lập di chúc mang họ tên Hoàng Thị T trên di chúc ngày 22/01/2008 so với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của cụ Hoàng Thị T trên Chỉ bản và Tờ khai chứng minh nhân dân số 280020854 (bản sao y bản chính ngày 19/6/2017 của Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Bình Dương) là do vân tay của cùng một người in ra (Bút lục số 373). Như vậy có căn cứ xác định di chúc của cụ Hoàng Thị T lập ngày 22/01/2008 lập tại Ủy ban nhân dân xã phù hợp quy định tại các Điều 652, 658 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Xét thừa đất số 309 tờ bản đồ số 42 diện tích 620m² tọa lạc tại xã G, huyện T cụ Hoàng Thị T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc lập di chúc của cụ Hoàng Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, bà Hoàng Thị Ngọc B đã thực hiện việc kê khai thừa kế và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân xã G đã niêm yết thông báo văn bản nhận di sản thừa kế ngày 03/10/2011, hết thời hạn niêm yết và không có phát sinh tranh chấp khiếu nại về việc bà Hoàng Thị Ngọc B nhận di sản thừa kế. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số BH 86 2932 ngày 25/4/2012 cho bà Hoàng Thị Ngọc B đối với thừa đất số 309 tờ bản đồ số 42 diện tích 620m² tọa lạc tại xã G, huyện T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị G và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị G yêu cầu tuyên bố văn bản di chúc vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cấp cho bà Hoàng Thị Ngọc B đối với thừa đất 309 nêu trên và yêu cầu chia di sản thừa kế thừa đất số 309 tờ bản đồ số 42 diện tích 620m² là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Năng Q và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có ông

Nguyễn Hồng H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối thừa đất số 309 bản đồ số 42 xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nhưng các đương sự cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

Xét ý kiến của Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653 và các Điều 655, 657, 658 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 của Luật đất đai năm 2003;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị G và những người thừa kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị G là ông Nguyễn Hoàng T, ông Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Hoàng Phương U, bà Nguyễn Hoàng Phương T yêu cầu tuyên bố di chúc do cụ Hoàng Thị T lập ngày 22/01/2008 vô hiệu; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 862932 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/4/2012 cho bà Hoàng Thị Ngọc B đối với thửa đất số 309 bản đồ số 42 xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự ông Hoàng Năng Q và ông Nguyễn Hồng H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0002469 ngày 02/12/2020, 0002471 ngày 04/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Các đương sự đã nộp đủ.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**